VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU CON NGƯỜI, GIA ĐÌNH VÀ GIỚI
*
Số 247 -QĐ/VNCCNGĐG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm *2026* 2026 lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới

---

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư 97/2024/TT-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Căn cứ Quyết định số 2047-QĐ/VHLKHXHVN ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;
- Xét đề nghị của Phụ trách kế toán.

VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU CON NGƯỜI, GIA ĐÌNH VÀ GIỚI QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới (*theo phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Trưởng phòng Phòng Hành chính – Tổng hợp, Phụ trách kế toán và các phòng, ban liên quan thuộc Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Viện HLKHXHVN (để báo cáo);
- Bộ phận website (để đăng tin);
- Lưu VT, KT.

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Đình Tuấn

Đơn vị: Viện Nghiên cứu, Con người, Gia đình và Giới
Chương: 045

DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 247 -QĐ/VNCCNGĐG ngày 20 /11/2026
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Con người, Gia đình và Giới)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	…..	
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
	……..	
3	Thu bán tạp chí	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	***Chi bán tạp chí***	
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
	…..	
2	***Phí***	
	Phí A	
	Phí B	
	……	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**300.000**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**300.000**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp	

	qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
	+ Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ trọng điểm	300.000
	+ Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	+ Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2.4	Quỹ tiền thưởng	
2.5	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	**Chi đảm bảo xã hội**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi đảm bảo xã hội**	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	

6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi đảm bảo xã hội**	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	